

Bản án số: 25/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 02-02-2026
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi
con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bùi Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bành Văn Hải; bà Trần Mỹ Trang.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lâm Vĩ Khang là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh** tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phan Hoàng Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 546/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Đoàn Thị C, sinh năm 1991; cư trú tại: Ấp P, xã H, thành phố Cần Thơ. Căn cước công dân số: 094191004786, do Cục Cảnh sát quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 05/7/2023.

2. **Bị đơn:** Anh Trần An T, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp T, xã D, tỉnh Tây Ninh. Căn cước công dân số: 072082014764, do Cục Cảnh sát quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 27/12/2021.

Chị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 9 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đoàn Thị C trình bày:

* **Về hôn nhân:** Chị và anh T tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện D, nay là xã D, tỉnh Tây Ninh.

Cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh T từ khi về sống chung vợ chồng thì không hạnh phúc. Nguyên nhân do không hòa hợp, thường bất đồng quan điểm sống nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Hiện tại chị đã về

nhà cha mẹ ruột sinh sống tại thành phố Cần Thơ, còn anh T cũng về sống tại nhà cha mẹ ruột của anh T tại tỉnh Tây Ninh.

Do chị và anh T đã sống ly thân từ 2020 đến nay, hiện không còn tình cảm vợ chồng, do đó chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

* **Về con chung:** Chị và anh T chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Trần Quốc T1, sinh ngày 19/7/2015, Trần Quốc T2, sinh ngày 05/02/2020. Nếu ly hôn thì chị có nguyện vọng được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung vì từ lúc sống riêng đến nay anh T không thăm con và không phụ tiền chị nuôi con.

* **Về tài sản chung, nợ chung:** Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết anh Trần An T vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều bảo đảm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Đoàn Thị C được ly hôn với anh Trần An T.

+ Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Quốc T1, sinh ngày 19/7/2015 và Trần Quốc T2, sinh ngày 05/02/2020 cho chị Đoàn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đoàn Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần An T và giải quyết con chung; anh T có địa chỉ thường trú tại: Ấp T, xã D, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh.

[2] Về nội dung: Xét nội dung yêu cầu trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án của chị C:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S năm 2015, là hôn nhân hợp pháp. Xét lời khai của chị C và chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Chị C và anh T tự nguyện chung sống vợ chồng, nhưng sống chung không hạnh phúc, hiện hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Xét thấy, hôn nhân thực tế giữa chị C và anh T không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị C là có cơ sở chấp nhận. Cho chị Đoàn Thị C được ly hôn với anh Trần An T.

[2.2] Về con chung: Chị Đoàn Thị C và anh Trần An T có 02 con chung tên là Trần Quốc T1, sinh ngày 19/7/2015 và Trần Quốc T2, sinh ngày 05/02/2020. Cháu T1 và cháu T2 hiện đang sống chung cùng với chị C tại thành phố Cần Thơ từ nhỏ đến nay, chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, tại bản tự khai cháu T1 cũng có nguyện vọng chung sống cùng với chị C. Xét thấy, giao 02 con chung cho chị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận tạm thời chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Trần An T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Đoàn Thị C phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị C. Cho chị Đoàn Thị C được ly hôn với anh Trần An T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Quốc T1, sinh ngày 19/7/2015 và Trần Quốc T2, sinh ngày 05/02/2020 cho chị Đoàn Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận tạm thời chị Đoàn Thị C không yêu cầu anh Trần An T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Trần An T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Đoàn Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đoàn Thị C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị C đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008592 ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Chị C đã nộp đủ tiền án phí.

5. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Báo cho chị Đoàn Thị C và anh Trần An T biết, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 - TN;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Dương Minh Châu;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (T).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Bùi Toàn